

HOANG HUY  **HHS**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

VỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Chương I: TỔNG QUAN	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	5
3. Cơ cấu tổ chức	6
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro	7
Chương II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	10
2. Tổ chức nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	13
4. Tình hình tài chính	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	15
Chương III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	18
1. Đánh giá đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016	18
2. Tình hình tài chính năm 2016	18
3. Kế hoạch phát triển tương lai	20
4. Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	21
5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán	21
Chương IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016	22
1. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2016	22
2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc công ty	22
3. Các kế hoạch, định hướng năm 2017	22
Chương V: TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2016	24
1. Hội đồng quản trị	24
2. Ban kiểm soát	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2016.	28
Chương VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	30

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn tin nhiệm và đồng hành cùng HHS trong năm 2016 cũng như trong suốt chặng đường hoạt động và phát triển.

Năm 2016 là năm có nhiều biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Các biến động từ các quốc gia lớn trên thế giới như việc Nhật Bản tuyên bố hạ lãi suất đồng Yên về dưới 0%, Anh tách ra khỏi liên minh Châu Âu, Donald Trump đắc cử tổng thống Mỹ hay việc cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) chính thức tăng lãi suất đồng Dollar từ 0.5% lên 0.75% vào tháng 12 vừa qua đã khiến nền kinh tế thế giới có nhiều phen “chao đảo”, giá cả hàng hóa, nguyên liệu biến động liên tục. Điều này tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của công ty cũng như các doanh nghiệp trong nước nói chung. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam năm qua cũng có một năm tương đối thuận lợi khi kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục tăng, tính chung cả năm 2016, Việt Nam xuất siêu 2,68 tỷ USD, ngược lại với xu hướng nhập siêu lên tới 3,55 tỷ USD của năm 2015, mặt bằng lãi suất tương đối ổn định, lạm phát 2.66% - thấp hơn giới hạn được Quốc hội cho phép là 5%, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6.21%. Đây cũng là những yếu tố tích cực tác động tới hoạt động của công ty.

Trong bối cảnh phức tạp của nền kinh tế, lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) đã không ngừng cố gắng để đạt được những thành tựu to lớn. Năm 2016 doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty đạt 1.576,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 138.5 tỷ đồng, đây thực sự là những con số đáng khích lệ trong hoàn cảnh thị trường ô tô tải Việt Nam có xu hướng phát triển chững lại sau giai đoạn bùng nổ 2014-2015.

Bước sang năm 2017, với nhiều cơ hội cũng như thách thức và khó khăn. Để đảm bảo tiếp tục chặng đường thực hiện sứ mệnh là một trong những “Công ty hàng đầu tại Việt Nam chuyên về lĩnh vực sản xuất, nhập khẩu và cung cấp dịch vụ xe tải hạng trung và hạng nặng có chất lượng cao, thân thiện với môi trường và có uy tín trong nước và khu vực”. HHS đã xây dựng kế hoạch và chiến lược với chủ trương đảm bảo hoạt động hiệu quả và bền vững phát triển, tập trung nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Quý cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác đã luôn ủng hộ và đồng hành với chúng tôi trong thời gian qua và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được ủng hộ và đồng hành của Quý vị trong thời gian tới.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2017

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Hữu Hạ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY 3

116 Nguyễn Đức Cảnh, Q. Lê Chân, Hải Phòng

Tel: 031. 3854 626

Fax: 031. 3782 326

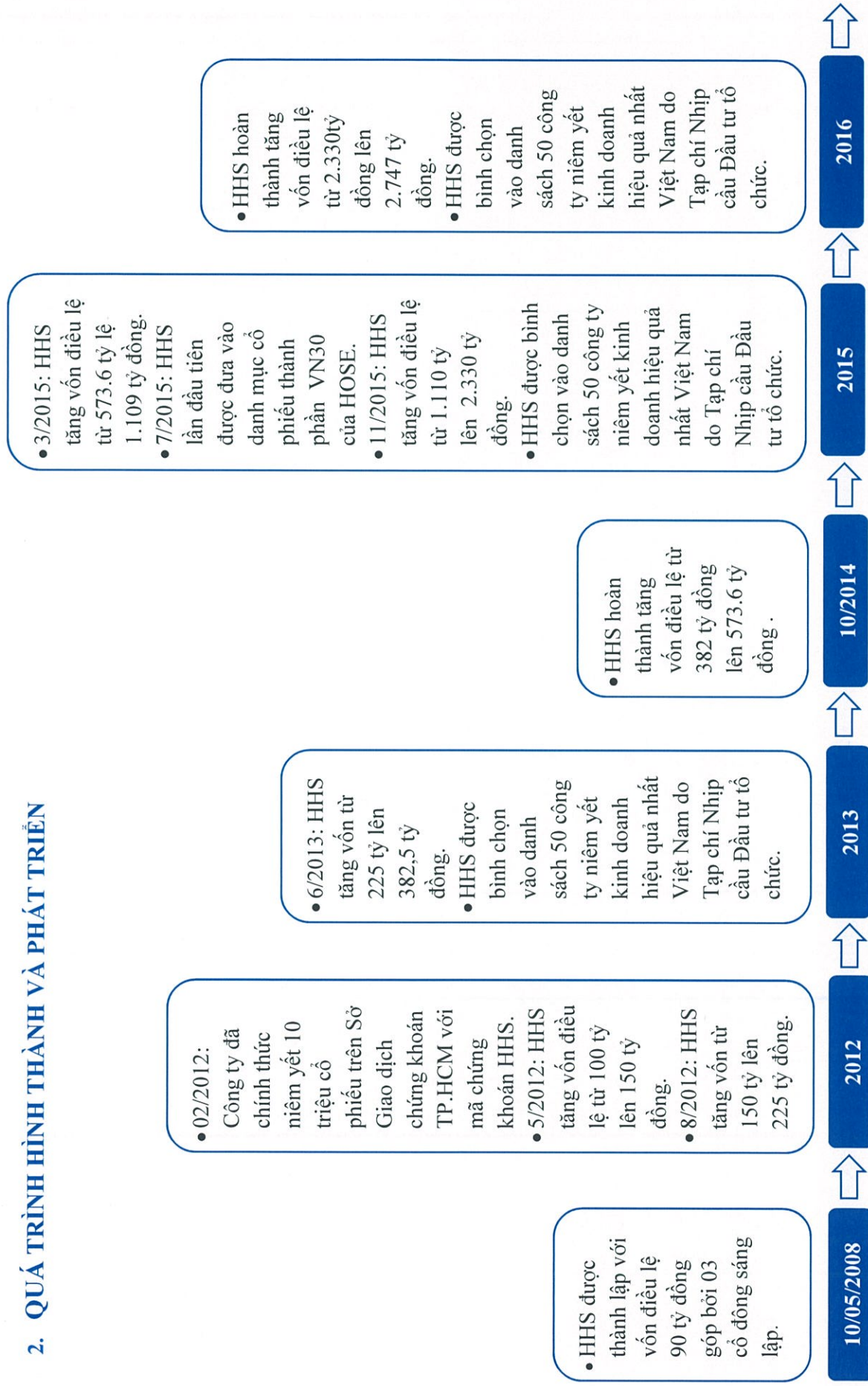
Website: www.hhs.hoanghuy.com.vn

Chương I. TỔNG QUAN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

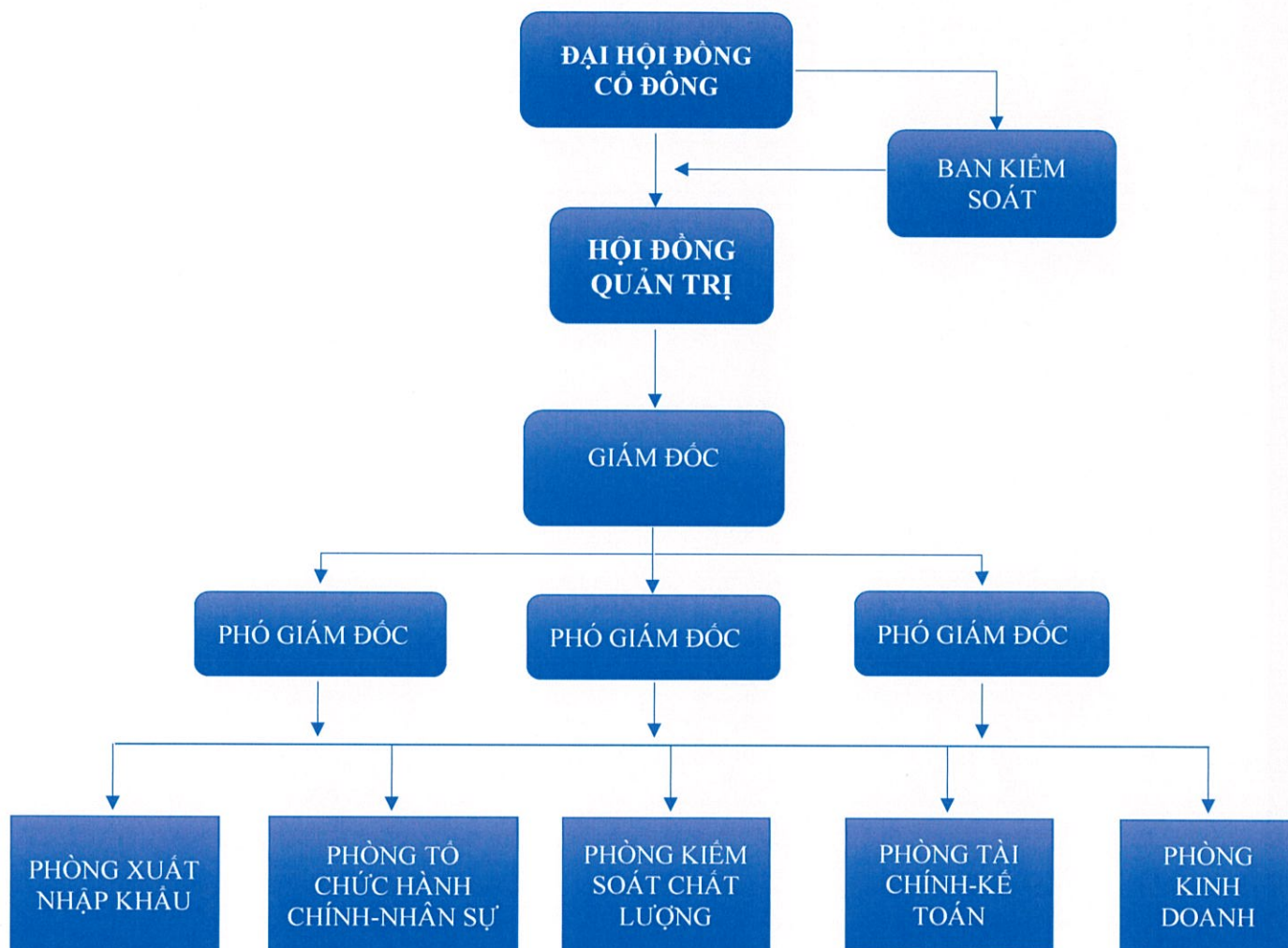
- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY (HHS)**
- Giấy phép kinh doanh số 0203004289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/05/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016 mã số Doanh nghiệp : 0200815578.
- Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2016): 2.747.440.630.000 đồng (Hai nghìn bảy trăm bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, sáu trăm ba mươi ngàn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2016): 3.067.124.840.529 đồng (Ba ngàn không trăm sáu mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi ngàn, năm trăm hai mươi chín đồng)
- Địa chỉ : 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
- Số điện thoại : 031.3854 626
- Số Fax : 031.3782 326
- Website : www.hhs.hoanghuy.com.vn
- Mã cổ phiếu : **HHS**
- Ngành nghề kinh doanh:
 - o Bán buôn, bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
 - o Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác
 - o Bán buôn xe có động cơ khác: Bán buôn xe có động cơ rơ móc và bán rơ móc
 - o Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - o Các hoạt động hỗ trợ khác
- Địa bàn kinh doanh:
 - o Các tỉnh khu vực Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



3. CƠ CẤU TỔ CHỨC

3.1 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý



3.2 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn góp của HHS tại 31/12/2016	Tỷ lệ %
1	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	480.000.000.000	478.950.000.000	99,78%
2	Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	566.440.000.000	262.522.400.000	46,35%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	600.000.000.000	288.000.000.000	48,00%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	220.000.000.000	100.000.000.000	45,45%
5	Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	280.000.000.000	135.800.000.000	48,50%

Nguồn: HHS

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển nhanh và bền vững. Thị trường ô tô tại Việt Nam hiện nay vẫn còn non trẻ và sẽ bùng nổ trong thời gian tới.
- Trở thành một trong những công ty phân phối ô tô hàng đầu Việt Nam.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty tập trung nguồn lực vào kinh doanh bất động sản, phân phối các loại ô tô tải hạng trung và hạng nặng nhằm đẩy nhanh tốc độ tích tụ vốn bởi các ngành này có tỷ suất lợi nhuận cao.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty
- Tuân thủ theo quy định đối với việc bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, tạo công ăn việc làm và chế độ phúc lợi cho người tàn tật.

5. CÁC RỦI RO

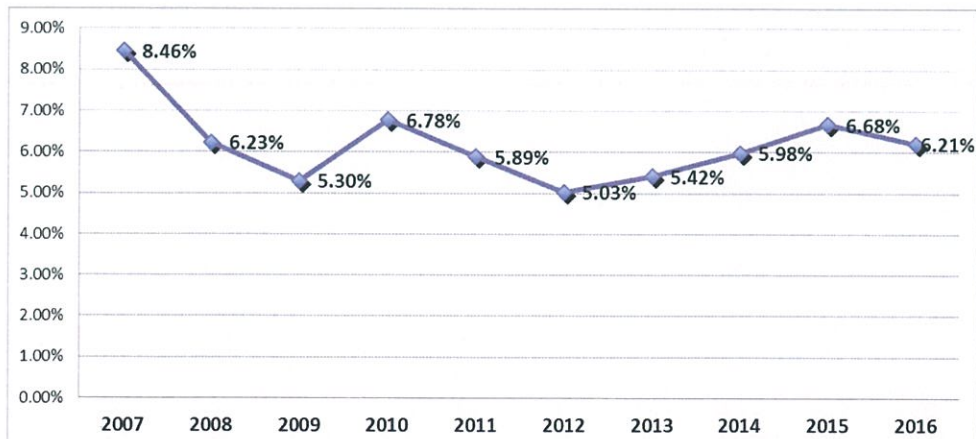
Các sản phẩm xe ô tô tải do Công ty đang kinh doanh phải cạnh tranh với các xe cùng chủng loại do các Doanh nghiệp trong nước sản xuất lắp ráp hoặc nhập khẩu nguyên chiếc. Do đó, để được người tiêu dùng ưa chuộng, Công ty phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao thị phần nhằm khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường phân phối xe tải.

5.1 Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy.

a. Rủi ro tăng trưởng kinh tế:

Năm 2016 xảy ra nhiều sự kiện tác động tới toàn bộ nền kinh tế thế giới như việc Anh tách ra khỏi liên minh châu Âu, Nhật Bản tuyên bố hạ lãi suất đồng Yên về dưới 0%; tổng thống mới đắc cử của Mỹ, Donald Trump lên nắm quyền dự báo mang đến nhiều chính sách kinh tế mới. Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2016 đạt 6,21% vẫn duy trì ở mức ổn định nhưng giảm nhẹ so với năm 2015.



Kinh tế Việt Nam trong năm tới, theo đánh giá của nhiều chuyên gia, sẽ vẫn phải tiếp tục kế thừa của năm 2016 nhiều vấn đề như nợ xấu, đầu tư công, năng suất lao động thấp, biến động tiền tệ và hàng hóa toàn cầu. Tăng trưởng GDP được dự báo sẽ ở mức trên 6,7% trong năm 2017.

b. Lạm phát và giá cả

Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp rất nhiều khó khăn, giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu giảm giá mạnh, các biện pháp của Chính phủ Việt Nam nhằm duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh lạm phát ổn định thấp. Không chủ quan, Chính phủ vẫn quyết liệt trong chính sách tài khóa và tiền tệ, kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng. CPI bình quân năm 2016 tăng 2,66% so với bình quân năm 2015 nhưng thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây, mức tăng này nằm trong giới hạn 5% mà Quốc hội đề ra. Năm 2017, tốc độ tăng giá tiêu dùng dự báo vẫn ở mức thấp, đồng thời sức cầu yếu và điều này tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

c. Rủi ro tỷ giá:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy kinh doanh các loại xe tải nhập khẩu, đồng tiền được dùng để thanh toán chủ yếu là đồng đô la Mỹ (USD). Trong khi đó, sản phẩm của Công ty lại được tiêu thụ ở thị trường trong nước. Do đó, biến động về tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD sẽ làm tác động rất lớn đến chi phí đầu vào của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, nhằm chủ động trong khâu nhập khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp, chủ động trong việc mua bán ngoại tệ vào thời điểm hợp lý phục vụ công tác mua hàng. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đang tích cực có những quyết sách phù hợp để ổn định vĩ mô trong đó có việc ổn định tỷ giá ngoại tệ.

5.2 Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ ô tô nhập khẩu, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy phải tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán khi Công ty có cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi, chưa đồng bộ và chưa hòa nhập với hệ thống luật cũng như thông lệ quốc tế. Với hệ thống luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của các chính sách của hệ thống pháp luật sẽ gây nhiều ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp để định hướng hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

5.3 Rủi ro đặc thù

a. Rủi ro về thuế:

Tình trạng tiêu thụ của thị trường xe ô tô Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn từ thay đổi chính sách thuế. Sự thay đổi thuế suất nêu trên sẽ dẫn đến sự thay đổi giá xe ô tô nhập khẩu, từ đó làm thay đổi giá bán ô tô trong nước, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy.

b. Rủi ro về cạnh tranh:

Các sản phẩm xe ô tô tải do Công ty đang kinh doanh phải cạnh tranh với các xe cùng chủng loại do các Doanh nghiệp trong nước sản xuất lắp ráp hoặc nhập khẩu nguyên chiếc. Do đó, để được người tiêu dùng ưa chuộng, Công ty phải nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao thị phần nhằm khẳng định vị thế của Công ty trên thị trường phân phối xe tải.

5.4 Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh,... đều có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như hoạt động của Công ty. Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra có thể làm chậm tiến độ kinh doanh hoặc gây thiệt hại đến Công ty.

Chương II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2016 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh của thị trường ô-tô nói chung. Theo hiệp hội các nhà sản xuất ô-tô Việt Nam – VAMA, Tổng doanh số bán hàng của toàn thị trường tính đến hết tháng 12/2016 đạt 304.427 xe, tăng 24% so với cùng kỳ năm ngoái. Dự báo doanh số bán 2017 sẽ tăng khoảng 10% so với 2016. Xe ô tô du lịch tăng 27%; xe thương mại tăng 19% và xe chuyên dụng tăng 29% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính đến hết tháng 12/2016, doanh số bán hàng của xe lắp ráp trong nước tăng 32% trong khi xe nhập khẩu tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái.

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016

a. Kết quả kinh doanh

Bảng 1: Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh năm 2016:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	% tăng giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr. đồng	3.512.705	1.577.706	-55,09%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	481.178	138.527	-71,21%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2016 của HHS

Kết thúc năm 2016 Công ty đạt 1.577 tỷ đồng doanh thu, giảm 55,09% so với năm 2015. Lợi nhuận đạt 138 tỷ đồng, giảm 71,21% so với năm 2015. Doanh thu và lợi nhuận năm 2016 giảm so với năm 2015 nguyên nhân đến từ việc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô tô hiện có sự bão hòa dẫn tới tốc độ tiêu thụ chậm. Để đạt được những kết quả trên phải kể tới trong năm 2016 Công ty đã không ngừng củng cố và hệ thống đại lý trên toàn quốc ngày càng quy mô và chất lượng hơn. Công ty thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật đi thực tế đến các đại lý, so sánh chất lượng sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh, phản hồi đến nhà cung cấp để cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với địa hình và thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam. Đặc biệt, với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, dịch vụ bảo hành bảo trì đồng bộ và với lợi thế là doanh nghiệp phân phối lâu năm, đã được khẳng định tại thị trường Việt Nam, Công ty tiếp tục ký kết được nhiều hợp đồng với số lượng đặt hàng lớn và ổn định trong năm qua cũng như thời gian tới.

b. Cơ cấu chi phí:

giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu, khấu hao giá trị tài sản cố định, nhân công và các chi phí phân bổ khác. Trong đó, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất với ước tính hơn 90% tổng chi phí giá vốn hàng bán. Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí và bằng 94,42% doanh thu thuần trong năm 2016. Do mặt hàng kinh doanh chính của Công ty là các loại xe ô tô tải hạng trung và hạng nặng nhập khẩu nên giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với doanh thu thuần chiếm tỷ lệ lần lượt là 0,41% và 0,40%. Chi phí hoạt động tài chính giảm mạnh về cả giá trị và tỷ trọng trong năm 2016 là 2.681

triệu đồng, chiếm 0,17% so với doanh thu thuần. Công ty luôn chủ động nguồn vốn, hạn chế vay nợ giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, biến động tỷ giá.

Bảng 2: Cơ cấu chi phí hoạt động giai đoạn 2015-2016

Yếu tố chi phí	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (tr.đồng)	% DTT	Giá trị (tr.đồng)	% DTT
Giá vốn hàng bán	3.124.907	89,08%	1.488.833	94,42%
Chi phí bán hàng	-7.594	-0,22%	6.484	0,41%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.643	0,36%	6.337	0,40%
Chi phí hoạt động tài chính	19.706	0,56%	2.681	0,17%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 của HHS

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Năm 2016 là năm khó khăn chung của toàn nền kinh tế. Doanh thu cả năm của Công ty đạt 1.577,7 tỷ đồng hoàn thành 39,4% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 138,5 tỷ đồng hoàn thành 34,8% kế hoạch. Những con số trên cho thấy được sự cố gắng không ngừng nghỉ của ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Bảng 3: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH so với KH 2016
1	Doanh thu	Tr. đồng	4.000,000	1.577,706	39,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	398,000	138,527	34,8%

Nguồn: HHS

Như vậy, có thể tổng kết năm 2016 là năm nhiều khó khăn, thách thức đối với HHS. Kết quả kinh doanh của Công ty sụt giảm mạnh nguyên nhân chính đến từ những biến động bất lợi của môi trường kinh doanh, điều này đặt ra cho ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty nhiều thách thức nhưng cũng là nguồn động lực to lớn giúp HHS nỗ lực hoàn thành mục tiêu phát triển năm 2017.

Trong năm, công ty cũng đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu cho các cổ đông với tỷ lệ 20:1 (người sở hữu 20 cổ phiếu được 01 cổ phiếu mới) và tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 4% bằng tiền mặt.

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1. Nhân sự chủ chốt

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ

Chủ tịch



Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó Giám đốc
Bà Hồ Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng

2.2. Đội ngũ lao động

Năm 2016, số lượng CBNV của Công ty là 39 người, so với năm 2015 là 40 người.

Bảng 7: Tình hình lao động của HHS trong năm 2016

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ	39	
1. Trình độ trên đại học	-	
2. Trình độ đại học	9	23,1%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	10	25,6%
4. Lao động khác	20	51,3%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	39	
1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	39	100%
2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1-3 năm)	-	
3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)	-	
4. Hợp đồng thử việc	-	

Nguồn: HHS

2.3. Chính sách đối với người lao động

Chính sách tiền lương: Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương trong Công ty, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

Chính sách thưởng: Công ty thực hiện thưởng cho các CBNV trên cơ sở lương chức danh công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động: Trợ cấp CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức thăm hỏi động viên người lao động hoặc thân nhân người lao động bị ốm đau, bệnh tật...

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1. Tình hình đầu tư

Bảng 8: Danh sách các công ty con con, công ty liên doanh và liên kết

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Vốn góp của HHS tại 31/12/2016	Tỷ lệ %
1	Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	480.000.000.000	478.950.000.000	99,78%
2	Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	566.440.000.000	262.522.400.000	46,35%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	600.000.000.000	288.000.000.000	48,00%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	220.000.000.000	100.000.000.000	45,45%
5	Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	280.000.000.000	135.800.000.000	48,50%

Nguồn: HHS

3.2. Tình hình thực hiện các dự án

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Prukxa Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukxa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%. Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất là 20.014,3 m². Tại thời cuối năm 2016, dự án đã bàn giao được 76% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng. Dự án đã hỗ trợ được nhiều cư dân mua được nhà chất lượng và ổn định cuộc sống, qua đó đóng góp giá trị xã hội rất lớn cho Thành phố Hải Phòng.

Đây cũng là hình mẫu, kinh nghiệm để Công ty tiếp tục chuẩn bị và phát triển các dự án tiếp theo. Và HĐQT công ty đã có chủ trương phát triển quỹ đất thực hiện dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp, nhà xã hội kết hợp xây dựng (kết hợp xử dụng một phần làm showroom ô-tô).

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

Tổng tài sản: cuối năm 2016 của Công ty tăng 7,3% so với cuối năm 2015 do kết quả kinh doanh trong năm tiếp tục có lãi và một phần do đầu năm Công ty đã hoàn thành phát hành riêng lẻ tăng vốn 30 triệu cổ phần giá 10.500 đồng/cổ phiếu.

Vốn chủ sở hữu của Công ty gia tăng mạnh mẽ trong giai đoạn 2010-2016, cuối năm 2016 tăng gấp hơn 27 lần so với cuối năm 2010. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của HHS là 2.747.440.630 đồng, tăng hơn 27 lần so với thời điểm cuối năm 2010.

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2015-2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	2.937.878	3.152.397	7,3%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.507.998	1.576.843	-55,1%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	388.419	134.594	-65,35%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	121.577	20.732	-82,95%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	509.997	157.268	-69,16%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	481.178	138.527	-71,21%
Tỷ lệ cổ tức	%	25%	4%	-84,00%
EPS	Đồng/cổ phiếu	3.427	535	-84,4%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 của HHS

Doanh thu của công ty chủ yếu từ hoạt động kinh doanh các mặt hàng ô tô tải nhập khẩu, máy móc và linh phụ kiện kèm theo. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 138,5 tỷ đồng, giảm so với mức 481,1 tỷ của năm 2015 nguyên nhân đến từ việc sản phẩm của công ty trong thị trường ô tô hiện có sự bão hòa dẫn tới tốc độ tiêu thụ chậm. Trong năm, Công ty cũng đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với tỷ lệ 5% bằng cổ phiếu và tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 4% bằng tiền mặt.

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2015-2016

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	13,30	25,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	8,67	21,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	6,01	2,71

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	6,40	2,78
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay HTK (GVHB/HTK bình quân)	Lần	6,06	2,51
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,19	0,50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,72	8,79
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,43	4,52
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	16,38	4,39
Tỷ lệ lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	11,07	8,54
Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	Đồng	3.427	528

Nguồn: HHS

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh là Công ty đã thanh toán chủ yếu các khoản nợ và vay, Công ty luôn sử dụng vốn tốt trong năm. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty nằm ở mức an toàn cho thấy Công ty luôn đáp ứng thanh toán được khoản vay ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hoạt động kinh doanh của Công ty được tài trợ chủ yếu bằng vốn chủ sở hữu. Lý do là Công ty luôn chủ động về tài chính và hoạt động kinh doanh không bị chịu ảnh hưởng nhiều từ chi phí lãi vay và tỷ giá trong bối cảnh lãi suất đầy biến động thời gian qua.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: các chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho và doanh thu thuần/tổng tài sản có xu hướng giảm nguyên nhân từ việc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô tô tiêu thụ chậm.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Năm 2016, chỉ tiêu ROA, ROE giảm nguyên nhân do thị trường ô tô tại Việt Nam tăng trưởng chững lại sau năm 2015 bùng nổ mạnh. Ngoài ra các khoản chi phí khác vẫn giữ ở mức ổn định.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cơ cấu cổ đông

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: **274.744.063** cổ phần, trong đó:

- 2 Cổ phiếu phổ thông: 269.744.063 cổ phần
- 3 Cổ phiếu quỹ: 5.000.000 cổ phần

Tổng số trái phiếu đang lưu hành: không có

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 11: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 10/11/2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	7.505	249.301.771	2.493.017.710.000	90,74
Tổ chức	44	131.293.161	1.312.931.610.000	47,79
Cá nhân	7.461	113.008.610	1.130.086.100.000	41,13
CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	111	25.442.292	254.422.920.000	9,26
Tổ chức	29	24.188.516	241.885.160.000	8,8
Cá nhân	82	1.253.776	12.537.760.000	0,46
CỔ PHIẾU QUỸ		5.000.000	50.000.000.000	1,82
TỔNG CỘNG	7.616	274.744.063	2.747.440.630.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông HHS chốt tại ngày 10/11/2016

Trong đó:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy		100.489.334	37,25%
Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT	4.800.000	1,78%
Phùng Thị Thu Hương	Trưởng BKS	2.453	0
Nguyễn Trọng Cường	Thành viên BKS	2.453	0
Vũ Văn Cảnh	Giám đốc	1.223	0
Hồ Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng	1.223	0
Nguyễn Trung Độ	Phó Giám đốc	1.223	0
Bùi Thị Trà	Thành viên BKS	242	0
Các cổ đông khác		169.445.912	62,75%
Tổng		274.744.063	100.00%

Nguồn: Danh sách cổ đông HHS chốt tại ngày 10/11/2016

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng 12: Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2016**

Thời gian	Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)
Đầu năm		233.090.428	2.330.904.280.000
Quý 1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2015 (5%)	11.653.635	11.653.635.000
Quý 1	Phát hành riêng lẻ 30 triệu cổ phiếu giá 10.500đ/cổ phiếu	30.000.000	315.000.000.000
Cuối năm		274.744.063	2.747.440.630.000

Nguồn: HHS

- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Công ty tiến hành mua vào 5.000.000 (năm triệu) cổ phiếu quỹ trong năm 2016.
- e. Các chứng khoán khác:** Không có.

Chương III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Được sự chỉ đạo tích cực của Hội đồng quản trị, trong năm vừa qua, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt việc điều hành hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện đúng các định hướng sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua; đảm bảo điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty.

Năm 2016 là năm khó khăn chung của toàn nền kinh tế, lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch 39,4% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 138,5 tỷ đồng trong năm cho thấy được sự cố gắng vượt bậc của ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Bảng 14: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ TH so với KH 2016
1	Doanh thu	Tr. đồng	4.000,000	1.577,706	39,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	398,000	138,527	34,8%

Nguồn: HHS

Hiện nay, Công ty đã triển khai hệ thống tiêu thụ sản phẩm khắp cả nước thông qua hệ thống đại lý phân phối. Công ty thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật đi thực tế đến các đại lý, so sánh chất lượng sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh, phản hồi đến nhà sản xuất để cải tiến chất lượng sản phẩm phù hợp với địa hình và thị hiếu của người tiêu dùng Việt Nam. Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời với lợi thế là doanh nghiệp phân phối độc quyền các sản phẩm xe tải tại thị trường Việt Nam, Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng với số lượng đặt hàng lớn và ổn định trong năm qua.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016

a. Tình hình tài sản

Bảng 15: Một số chỉ tiêu cơ bản

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	% tăng giảm
I	Tài sản ngắn hạn	2.349.717.807.748	2.213.087.384.914	-5,81%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.171.668.961.521	702.509.175.685	-40,04%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		951.688.000.000	

3	Phải thu ngắn hạn	342.126.386.294	173.573.975.161	-49,27%
4	Hàng tồn kho	817.444.017.882	369.916.389.790	-54,75%
5	Tài sản ngắn hạn khác	18.478.442.051	15.399.844.278	-16,66%
II	Tài sản dài hạn	588.160.958.435	939.309.879.587	59,70%
1	Tài sản cố định	11.216.340.040	9.493.508.541	-15,36%
2	Tài sản dở dang dài hạn		2.079.090.909	
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	576.886.985.528	788.081.827.022	36,61%
4	Tài sản dài hạn khác	57.632.867	32.243.115	-44,05%
	Tổng cộng tài sản	2.937.878.766.183	3.152.397.264.501	7,30%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 của HHS

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2016 của Công ty giảm 5,81% so với cuối năm 2015. Tài sản dài hạn tăng mạnh lên 59,7% là bởi trong năm Công ty thực hiện góp vốn bổ sung vào công ty liên kết để phát triển mở rộng kinh doanh.

Bảng 16: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Các khoản phải thu	2015	2016	% tăng giảm
I	Phải thu ngắn hạn	342.126.386.294	173.573.975.161	-49,27%
1	Phải thu của khách hàng	24.904.420.092	15.251.076.332	-38,76%
2	Trả trước cho người bán	307.161.484.589	141.206.460.000	-54,03%
3	Các khoản phải thu khác	10.060.481.613	17.116.438.829	70,14%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	
II	Phải thu dài hạn	-	139.623.210.000	
	Tổng các khoản phải thu	342.126.386.294	313.197.185.161	-8,46%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 của HHS

b. Tình hình nợ phải trả

Bảng 17: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Nợ phải trả	2015	2016	% tăng giảm
I	Nợ ngắn hạn	176.709.618.575	85.272.423.972	-51,7%

STT	Nợ phải trả	2015	2016	% tăng giảm
1	Vay và nợ ngắn hạn	75.000.000.000	-	
2	Phải trả người bán	1.712.250.000	2.913.468.600	70,2%
3	Người mua trả tiền trước	39.533.239.219	25.634.525.746	-35,2%
4	Thuế và các khoản nộp NSNN	2.655.549.857	2.486.516.347	-6,4%
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.421.703.282	6.508.303.282	-22,7%
6	Chi phí phải trả	613.363.373	-	
7	Phải trả ngắn hạn khác	47.246.460.550	47.087.221.100	-0,3%
II	Nợ dài hạn	-	-	
	Tổng cộng	176.709.618.575	85.272.423.972	-51,7%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016 của HHS

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ: Không thay đổi

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

a. Các mục tiêu tổng quát của Công ty năm 2017

- Quy mô kinh doanh của Công ty từ nhập khẩu tới phân phối của Công ty ngày càng lớn, hệ thống đại lý và khách hàng đông đảo trên cả nước nên nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 là duy trì tính hiệu quả kinh doanh tương ứng với quy mô hoạt động hiện tại.
- Hiện nay, Công ty đã đa dạng hóa được nhiều sản phẩm, dịch vụ cung cấp tới người tiêu dùng so với trước đây. Nhu cầu và xu hướng tiêu dùng hiện tại ngày càng cao, đòi hỏi các yếu tố về công nghệ, dịch vụ sau bán hàng. Do vậy, Công ty có định hướng năm 2017 sẽ tập trung chiều sâu vào đổi mới, nâng cao tỷ trọng các dịch vụ sau bán hàng như bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp linh kiện thay thế.
- Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017 trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng tới những yếu tố tăng trưởng do những yếu tố khách quan của năm 2016 nên năm 2017 sẽ lấy ổn định doanh số và lợi nhuận là mục tiêu chính. Ngoài ra, sẽ tận dụng các thời cơ để có sự tăng trưởng cao hơn phù hợp với tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường.

Bảng 18: Kế hoạch kinh doanh năm 2017

STT	Các chỉ tiêu hợp nhất	Đơn vị tính	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
1	Tổng doanh thu	Tỷ Đồng	1.577	1.700
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ Đồng	155.3	163

b. Phương hướng nhiệm vụ cụ thể năm 2017

- Tích cực điều hành sát sao hoạt động của Công ty trong năm 2017, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Thực hiện chế độ báo cáo HĐQT hoạt động định kỳ hàng tháng để có những quyết sách phù hợp kịp thời.
- Xây dựng các giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu năm 2017, cụ thể:
 - Phát huy sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường bằng lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm, trình độ công nghệ và giá cả cạnh tranh.
 - Chủ động trước nhu cầu thị trường bằng cách mở rộng nghiên cứu thị trường tiêu thụ, nhu cầu cũng như thị hiếu người tiêu dùng.
 - Nâng tầm thương hiệu Công ty trên toàn quốc. Kết nối hình ảnh doanh nghiệp với phương tiện thông tin đại chúng để sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng.
 - Nghiên cứu và ban hành các quy chế khuyến khích thu nhập cho người lao động, trích thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích trong công việc.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN:

Không có.

Chương IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

Trong bối cảnh biến động của thị trường xe ô-tô tải, ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy đã không ngừng cố gắng để đạt được kết quả kinh doanh tốt. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.577 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 138.52 tỷ đồng; đây thực sự là những con số rất đáng khích lệ, làm động lực để Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy phấn đấu và hoàn thành những mục tiêu năm 2017.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm 2016, ông Vũ Văn Cảnh đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành Công ty theo Điều lệ quy định. Ban Giám đốc đã cùng các cán bộ quản lý khác có nhiều nỗ lực thực hiện tốt kế hoạch kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện các công việc được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị chỉ đạo như sau:

- Công tác mở rộng quy mô kinh doanh
- Thực hiện kế hoạch năm 2016, Công ty liên tục mở rộng và củng cố mạng lưới kinh doanh thông qua các đại lý phân phối sản phẩm.
- Ban hành quy chế quản trị Công ty
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
- Phát hành riêng lẻ 30.000.000 cổ phần với giá 10.500đ/cổ phần. Trả cổ tức năm 2015 cho các cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 5% bằng cổ phiếu.
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016
- Tạm ứng cổ tức 2016 cho các cổ đông hiện hữu với tỉ lệ 4% bằng tiền mặt.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

a. Công tác định hướng hoạt động

- Những kết quả kinh doanh năm 2016 đạt được trước hết phải kể tới những thuận lợi của thị trường, của toàn ngành, và sau đó là từ sự nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ, sự chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty và cũng nhờ sự ủng hộ, quan tâm của cổ đông.
- Công ty xác định năm 2017 là năm có nhiều thách thức và biến động kinh tế trong và ngoài nước. Đặc biệt sự cạnh tranh của các Công ty cùng ngành rất lớn. Tuy nhiên, với vị thế của Công ty đã có kinh nghiệm lâu năm và tiềm lực mạnh, Công ty sẽ đảm bảo duy trì tính ổn định, tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

b. Công tác phát triển

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch 2017 đã đề ra.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới các đại lý phân phối dòng ô tô tải hạng nặng đến các địa phương trên toàn quốc.
- Công ty có định hướng năm 2017 sẽ tập trung chiều sâu vào đổi mới, nâng cao tỷ trọng các dịch vụ sau bán hàng như bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp linh kiện thay thế.

Chương V: TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2016

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị của HHS gồm 05 thành viên. Trong năm 2016, HHS có một số thay đổi về Hội đồng Quản trị, cụ thể:

Bảng 19: Thay đổi Nhân sự Hội đồng Quản trị trong năm 2016

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên HĐQT
1	Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT	Từ năm 2008
2	Bà Mai Trang	Thành viên HĐQT	Đến ngày 01/07/2016
3	Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên HĐQT	Từ năm 2008
4	Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên HĐQT	Từ năm 2008
5	Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT	Từ năm 2008
6	Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên HĐQT	Kể từ ngày 03/02/2016

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2016

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị cũng như kế hoạch công tác năm 2016, Hội đồng Quản trị đã duy trì hoạt động với số lượng thành viên là 05 (năm) thành viên. Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng tháng và các cuộc họp bất thường được triệu tập khi có yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên.

Cũng trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định tập trung vào giải quyết chỉ đạo các nội dung quan trọng liên quan tới xây dựng chiến lược hoạt động của Công ty, triển khai kế hoạch kinh doanh, hoàn thiện các quy chế hoạt động để củng cố hệ thống quản trị của Công ty.

Bảng 20: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2016

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	29/01/2016	V/v Bổ sung chương trình ĐHCĐ Thường niên năm 2016
2	02/NQ-HĐQT	17/02/2016	V/v Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
3	03/NQ-HĐQT	24/02/2016	V/v Thông qua Điều lệ Công ty
4	04/NQ-HĐQT	24/02/2016	V/v Phát hành riêng lẻ
5	05/NQ-HĐQT	24/03/2016	V/v Góp vốn bổ sung vào Công ty liên kết

6	06/NQ-HĐQT	28/03/2016	V/v Phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Công ty
7	07/NQ-HĐQT	28/03/2016	V/v Phát hành riêng lẻ 2016 của Công ty
8	08/NQ-HĐQT	04/04/2016	V/v Mua cổ phiếu quỹ
9	09/NQ-HĐQT	06/04/2016	V/v Ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty
10	10/NQ-HĐQT	06/06/2016	V/v Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016
11	11/NQ-HĐQT	30/06/2016	V/v Bổ sung nội dung nghị sự tại ĐHĐCĐBT năm
12	12/NQ-HĐQT	28/09/2016	Về các hoạt động kinh doanh của Công ty
13	13/NQ-HĐQT	24/10/2016	V/v Tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt
14	14/NQ-HĐQT	28/10/2016	V/v Thông qua từ nhiệm vị trí Phó Giám đốc của Ông Hoàng Thanh Tùng
15	15/NQ-HĐQT	07/12/2016	V/v Thông qua từ nhiệm vị trí Phó Giám đốc của Ông Phạm Văn Mạn
16	16/NQ-HĐQT	20/12/2016	V/v Triển khai các dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Bảng 5: Thành viên Ban Kiểm soát HHS trong năm 2016

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên BKS
1	Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban	Từ năm 2008
2	Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên	Từ năm 2010
3	Bà Bùi Thị Trà	Thành viên	Từ ngày 19/04/2012

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2016, BKS đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của HHS cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và một số buổi họp của Ban lãnh đạo HHS về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm.
- Thường xuyên kiểm soát hoạt động sử dụng vốn của HHS, theo dõi luân chuyển vốn tài sản của HHS.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và báo cáo năm, nhằm đánh giá tính hợp lý và chính xác của các số liệu tài chính trước khi đệ trình Hội đồng quản trị.
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách các Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2016 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho các Công ty niêm yết.
- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Các công việc khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, quy định của Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2016, BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành; đồng thời nhận được sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của mình. HĐQT và BKS luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề liên quan đến định hướng của HHS, bám sát nhiệm vụ được giao.

Bảng 21: Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2016

STT	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	25/07/2016	Về việc đánh giá hoạt động của HĐQT trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016
2	02/BB-BKS	18/01/2017	Về việc đánh giá hoạt động của HĐQT trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Bảng 22: Tổng hợp lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích trong năm 2016

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng)
I. Thù lao của Hội đồng Quản trị				
1	Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT	4.800.000	3.000.000

STT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	Thù lao được hưởng (đồng/người/tháng)
2	Nguyễn Thị Hà	Ủy viên HĐQT	0	2.000.000
3	Đỗ Hữu Hậu	Ủy viên HĐQT	0	2.000.000
4	Đỗ Hữu Hưng	Ủy viên HĐQT	0	2.000.000
5	Mai Trang (từ nhiệm ngày 01/07/2016)	Ủy viên HĐQT	0	2.000.000
6	Nguyễn Phú Hiệu (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)	Ủy viên HĐQT	0	2.000.000
II. Thù lao của Ban kiểm soát				
1	Phùng Thị Thu Hương	Trưởng BKS	2.453	2.000.000
2	Nguyễn Trọng Cường	Thành viên BKS	2.453	1.000.000
3	Bùi Thị Trà	Thành viên BKS	242	1.000.000
III. Thù lao Ban Giám đốc				
1	Vũ Văn Cảnh	Giám đốc	1.223	9.200.000
2	Hoàng Thanh Tùng (miễn nhiệm ngày 01/11/2016)	Phó giám đốc	0	9.000.000
3	Phạm Văn Mạn (miễn nhiệm ngày 15/12/2016)	Phó giám đốc	0	9.000.000
4	Nguyễn Trung Độ (từ nhiệm ngày 15/02/2017)	Phó giám đốc	1.223	8.360.000
5	Hồ Thị Xuân Hòa	Kế toán trưởng	1.223	8.360.000

Nguồn: HHS

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Bảng 23: Tổng hợp giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2016

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch HĐQT	52.220.151	22,40%	4.800.000	1.78%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn
2	Đỗ Hữu Hậu	Thành viên HĐQT	22.312.867	9,57%	0	0%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn
3	Mai Trang (từ nhiệm ngày 01/07/2016)	Thành viên HĐQT	785.977	0,34%	0	0%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn
4	Đỗ Hữu Hưng	Thành viên HĐQT	1.061.977	0,44%	0	0%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn
5	Đỗ Thị Huyền Trang	Vợ ông Đỗ Hữu Hưng, Thành Viên HĐQT	4.201.871	1,80%	0	0%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn
6	Nguyễn Thị Hà	Vợ ông Đỗ Hữu Hạ, Thành Viên HĐQT	5.101.477	2,19%	0	0%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn



STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	Cổ đông lớn, người có liên quan tới Thành viên HĐQT	0	0%	100.489.334	37,25%	Cơ cấu các khoản đầu tư để tái cấu trúc theo mô hình tập đoàn

Nguồn: HHS

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không phát sinh.

Chương VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán VACO - Chi nhánh Hải Phòng
2. Địa chỉ: Số 499, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng
3. Điện thoại: (84 – 31) 534 655 Fax: (84 – 31) 534 316
4. Email: vaco hp@vaco.com.vn

Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2016)
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/12/2016)
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Đại diện và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN

Số: 29/VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/02/2017, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1117-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1148-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.213.087.384.914	2.349.717.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	702.509.175.685	1.171.668.961.521
1. Tiền	111		20.501.175.685	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		682.008.000.000	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	951.688.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		951.688.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.573.975.161	342.126.386.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.251.076.332	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	141.206.460.000	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.116.438.829	10.060.481.613
IV. Hàng tồn kho	140	9	369.916.389.790	817.444.017.882
1. Hàng tồn kho	141		369.916.389.790	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.399.844.278	18.478.442.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.465.017.382	18.238.442.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.934.826.896	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		939.309.879.587	588.160.958.435
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		139.623.210.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	139.623.210.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.493.508.541	11.216.340.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.493.508.541	11.216.340.040
- Nguyên giá	222		13.473.079.215	13.267.480.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.979.570.674)	(2.051.140.760)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.079.090.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.079.090.909	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	788.081.827.022	576.886.985.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		788.081.827.022	576.886.985.528
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.243.115	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.243.115	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.152.397.264.501	2.937.878.766.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.272.423.972	176.709.618.575
I. Nợ ngắn hạn	310		85.272.423.972	176.709.618.575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.913.468.600	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	25.634.525.746	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.486.516.347	2.655.549.857
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	613.636.373
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.087.221.100	47.246.460.550
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		642.388.897	1.526.779.294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.508.303.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.067.124.840.529	2.761.169.147.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.067.124.840.529	2.761.169.147.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	13	139.270.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415	13	(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	13	19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13	201.630.967.164	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		171.013.231.310	25.784.634.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.617.735.854	259.010.202.770
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.291.910.886	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.152.397.264.501	2.937.878.766.183


 Bùi Thị Minh Nguyệt
 Người lập biểu
 Ngày 06 tháng 02 năm 2017


 Hồ Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng


 Vũ Văn Cảnh
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.577.706.816.734	3.512.705.644.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863.636.364	4.707.272.746
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	16	1.576.843.180.370	3.507.998.371.587
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	1.488.832.595.794	3.124.906.985.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		88.010.584.576	383.091.386.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	61.642.474.378	30.751.536.741
7. Chi phí tài chính	22	19	2.680.665.814	19.705.564.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.500.000	8.832.492.790
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		442.626.379	(668.245.452)
9. Chi phí bán hàng	25		6.484.011.731	(7.593.814.871)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.336.946.855	12.643.321.331
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		134.594.060.933	388.419.607.297
12. Thu nhập khác	31		21.936.100.434	122.731.050.398
13. Chi phí khác	32		1.203.735.861	1.153.100.386
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		20.732.364.573	121.577.950.012
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		155.326.425.506	509.997.557.309
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16.798.435.564	28.819.095.192
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		138.527.989.942	481.178.462.117
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70		138.514.676.294	481.000.899.770
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71		13.313.648	177.562.347
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	528	3.427



Bùi Thị Minh Nguyệt
 Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>155.326.425.506</i>	<i>508.895.586.029</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.928.429.914	(118.061.944.438)
Các khoản dự phòng	03	(2.200.854.214)	2.790.919.824
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.726.591	4.873.223
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.239.013.474)	(29.555.896.865)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	8.832.492.790
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>94.326.214.323</i>	<i>372.906.030.563</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	48.668.252.397	(229.042.523.063)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	448.844.091.909	(87.850.477.286)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.897.052.133)	(744.526.784.685)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	265.389.752	57.561.529
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(8.832.492.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.006.288.522)	(32.001.182.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.174.485.952)	(581.781.457)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>558.538.621.774</i>	<i>(729.871.649.345)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.079.090.909)	(3.596.629.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.052.463.000.000)	478.372.437.702
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.100.775.000.000	(155.701.128.446)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.132.961.568	20.677.948.616
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.117.634.129.341)</i>	<i>340.809.360.235</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	1.220.951.127.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	944.197.031.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(942.629.200.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(107.980.940.440)	(168.359.798.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>89.936.551.414</i>	<i>1.054.159.160.980</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(469.158.956.153)</i>	<i>665.096.871.870</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.171.668.961.521	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(829.683)	(8.449.923)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	702.509.175.685	1.171.668.961.521

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Năm 2016

Đơn vị: VND



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39 người (tại ngày 01/01/2016 là 40 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 01 Công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Và các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **Năm 2016**

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) **Năm 2016**

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phi hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016**

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại 31/12/2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá linh kiện chậm luân chuyển của Công ty không giảm giá đáng kể, do đó không áp dụng chính sách trích lập dự phòng, nếu Công ty áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như các năm trước thì chi phí giá vốn hàng bán bị ảnh hưởng tăng khoảng 02 tỷ đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016**

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật".

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	771.631.914	421.613.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.729.543.771	76.560.872.337
Các khoản tương đương tiền (*)	682.008.000.000	1.094.686.475.432
Cộng	702.509.175.685	1.171.668.961.521

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Cộng	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	576.886.985.528	180.000.000.000
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208.000.000.000	397.220.400.000
Ảnh hưởng theo phương pháp vốn chủ	2.752.215.115	334.830.980
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết	442.626.379	(668.245.452)
Số cuối năm	788.081.827.022	576.886.985.528

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam (*)	288.000.000.000	289.502.270.962	80.000.000.000	80.381.957.042
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	102.001.185.750	100.000.000.000	101.566.376.103
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	262.522.400.000	260.159.556.557	262.522.400.000	259.138.652.383
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	136.418.813.753	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	786.322.400.000	788.081.827.022	578.322.400.000	576.886.985.528

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty liên kết mà Công ty đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, đồng thời hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>17.116.438.829</i>	<i>10.060.481.613</i>
Lãi tiền gửi phải thu tạm tính	17.106.049.078	9.254.448.243
Ký quỹ, ký cược	10.389.751	806.033.370
<i>Dài hạn</i>	<i>139.623.210.000</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần ô tô Công nghệ mới (*)	139.623.210.000	-
Cộng	156.739.648.829	10.060.481.613

(*) Phần ánh khoản hợp tác đầu tư giữa CTCP Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang (Hoàng Giang) cùng Công ty Cổ phần ô tô Công Nghệ Mới theo hợp đồng số: 2112.2016/CNM-HG về việc đầu tư dự án Khu đô thị nhà thu nhập thấp (kết hợp showroom ô-tô) tại xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng với diện tích khoảng 30.419,00m². Theo đó, Hoàng Giang thực hiện góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh để được quyền khai thác 45% dự án với quyền khai thác đầy đủ như quyền của chủ đầu tư. Dự án sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý và phân phối các sản phẩm ra thị trường trong thời gian 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd	916.000,00	20.848.160.000	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	5.139.000.000	-	156.651.825.250
Công ty Cổ phần Ô tô Công nghệ mới	-	114.310.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	909.300.000	-	525.000.000
Cộng	916.000,00	141.206.460.000	6.661.961,00	307.161.484.589

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.414.197.135	-	83.140.939.825	-
Chi phí SXKD dở dang	4.725.670.981	-	-	-
Thành phẩm	16.894.042.147	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	65.935.887.128	-	290.311.592.491	1.316.463.817
Hàng gửi bán	188.946.592.399	-	404.710.842.965	-
Cộng	369.916.389.790	-	818.760.481.699	1.316.463.817

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.924.264.002	343.216.798	13.267.480.800
Tăng khác	205.598.415	-	205.598.415
Số dư cuối năm	13.129.862.417	343.216.798	13.473.079.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.807.837.039	243.303.721	2.051.140.760
Khấu hao trong năm	1.909.829.914	18.600.000	1.928.429.914
Số dư cuối năm	3.717.666.953	261.903.721	3.979.570.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	11.116.426.963	99.913.077	11.216.340.040
Tại ngày cuối năm	9.412.195.464	81.313.077	9.493.508.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>25.634.525.746</u>	<u>39.533.239.219</u>
Các đại lý	24.234.525.746	37.642.589.219
Khách hàng lẻ	1.400.000.000	1.890.650.000
Cộng	<u>25.634.525.746</u>	<u>39.533.239.219</u>

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>47.087.221.100</u>	<u>47.246.460.550</u>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.201.100	172.440.550
Cộng	<u>47.087.221.100</u>	<u>47.246.460.550</u>

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	573.642.410.000	14.116.236.000	-	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(2.000.000)	(581.781.457)
Số dư đầu năm nay	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	284.794.837.523	2.759.804.044.100
Tăng vốn trong năm (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
Tăng, giảm Cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	138.514.676.294	138.514.676.294
Ảnh hưởng ghi nhận theo PP vốn chủ	-	-	-	-	2.752.215.115	2.752.215.115
Tăng khác	-	-	-	-	2.528.672	2.528.672
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
Số dư cuối năm nay	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	201.630.967.164	3.065.832.929.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 4% tương đương với 107.896.940.440 đồng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 24/10/2016.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 10/11/2016 như sau:

	Vốn cổ phần cuối năm		Vốn cổ phần đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	1.004.893.340.000	36,58	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	48.000.000.000,00	1,75	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	-	-	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	-	-	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.694.547.290.000	61,67	1.331.278.690.000	57,12
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.330.904.280.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	416.536.350.000	1.757.261.870.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	224.433.290.440	343.508.762.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
Số lượng cổ phiếu lưu hành	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	269.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu quỹ	5.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	3.612,49	1.583,07

15. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	653.625.293.478	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.843.180.370
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	653.122.613.151	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.340.500.043
- Doanh thu khác	502.680.327	-	-	502.680.327
2. Giá vốn	596.377.886.811	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.832.595.794
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	595.624.419.919	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.079.128.902
- Giá vốn hoạt động khác	753.466.892	-	-	753.466.892
3. Lợi nhuận gộp	57.247.406.667	10.646.228.677	20.116.949.232	88.010.584.576*
- Bán hàng hóa, thành phẩm	57.498.193.232	10.646.228.677	20.116.949.232	88.261.371.141
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
4. Lợi nhuận trước thuế	97.539.861.461	18.572.136.971	39.214.427.074	155.326.425.506
- Bán hàng hóa, thành phẩm	76.615.657.074	18.572.136.971	39.214.427.074	134.402.221.119
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
- LN khác	21.174.990.952	-	-	21.174.990.952

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VNE
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.577.706.816.734</i>	<i>3.512.705.644.333</i>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.577.204.136.407	3.512.074.359.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	502.680.327	631.285.093
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>863.636.364</i>	<i>4.707.272.746</i>
Chiết khấu thương mại	-	1.590.909.110
Hàng bán trả lại	863.636.364	3.116.363.636
Doanh thu thuần	<u>1.576.843.180.370</u>	<u>3.507.998.371.587</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	1.489.114.097.260	3.124.163.249.014
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	1.034.962.351	234.563.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	(1.316.463.817)	509.172.208
Cộng	<u>1.488.832.595.794</u>	<u>3.124.906.985.025</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.239.013.474	28.172.741.588
Lãi chênh lệch tỷ giá	403.460.904	2.578.795.153
Cộng	<u>61.642.474.378</u>	<u>30.751.536.741</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	487.500.000	8.832.492.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.193.165.814	10.873.071.304
Cộng	<u>2.680.665.814</u>	<u>19.705.564.094</u>

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm nay Số lượng cổ phiếu	Năm trước (Đã trình bày lại) Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	233.090.428	57.364.241
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng CP	11.653.635	16.835.630
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng trong năm	22.666.667	66.204.260
Số cổ phiếu phổ thông bình quân giá quyền đang lưu hành	<u>267.410.730</u>	<u>140.404.131</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	138.527.989.942	481.178.462.117
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	138.527.989.942	481.178.462.117
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	262.410.730	140.404.131
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	528	3.427

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	1.488.832.595.794	3.209.167.396.717
Chi phí nhân công	4.461.180.100	3.588.354.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.928.429.914	1.545.254.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	6.431.348.572	10.231.150.391
Cộng	1.501.653.554.380	3.224.532.156.643

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	702.509.175.685	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	171.990.725.161	34.964.901.705
Đầu tư tài chính ngắn hạn	951.688.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	788.081.827.022	576.886.985.528
Cộng	2.614.269.727.868	1.783.520.848.754
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	48.958.710.550
Chi phí phải trả	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	642.388.897	1.526.779.294
Cộng	50.643.078.597	126.099.126.217



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

08
ĐƠN
Ở F
TƯ
HOÀ
HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	702.509.175.685	-	702.509.175.685
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.367.515.161	139.623.210.000	171.990.725.161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	951.688.000.000	-	951.688.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	788.081.827.022	788.081.827.022
Cộng	1.686.564.690.846	927.705.037.022	2.614.269.727.868
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	642.388.897	-	642.388.897
Cộng	50.643.078.597	-	50.643.078.597
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.635.921.612.249	927.705.037.022	2.563.626.649.271

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.171.668.961.521	-	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.964.901.705	-	34.964.901.705
Đầu tư tài chính dài hạn	-	576.886.985.528	576.886.985.528
Cộng	1.206.633.863.226	576.886.985.528	1.783.520.848.754
Số đầu năm			
Các khoản vay	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	48.958.710.550	-	48.958.710.550
Chi phí phải trả	613.636.373	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	1.526.779.294	-	1.526.779.294
Cộng	126.099.126.217	-	126.099.126.217
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.080.534.737.009	576.886.985.528	1.657.421.722.537

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm 2016

23. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 17.106.051.906 đồng là khoản tiền lãi tiền gửi chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH PRUKSA VIỆT NAM

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (dợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời cuối năm 2016, dự án đã bàn giao được 76% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng.

25. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	
Công ty CP Đầu tư DVTC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết	
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết	

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	401.918.900.000	606.771.809.183
Thanh toán và ứng trước tiền hàng	248.920.074.750	248.920.074.750
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Bán hàng hóa, thành phẩm	13.977.500.000	40.869.500.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Bán hàng hóa, thành phẩm	-	11.897.000.000
Nhận tiền hàng	-	-
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		
Giá trị công trình thi công bàn giao	20.826.854.379	20.826.854.379
Chi phí khác	762.519.765	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm 2016**

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	5.139.000.000	156.651.825.250
Phải trả thương mại	1.486.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do nhận ứng trước tiền hàng	190.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam		
Phải trả khác	47.074.020.000	47.074.020.000

Thu nhập của Ban giám đốc


	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi	502.235.400	402.620.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

28. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN NĂM 2016 SO VỚI NĂM 2015

Năm 2016, phân khúc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô-tô có sự bão hoà. Nguyên nhân chính là do chính sách kiểm soát tải trọng xe đã đi vào ổn định và không còn hiện tượng tăng trưởng nhu cầu đột biến như giai đoạn 2014 - 2015. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 của Công ty đạt 1.576.843.180.370 đồng, so với năm 2015 là giảm 55,06%. Do đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty đạt 138.514.676.294 đồng, giảm 71,20% so với năm 2015.



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



VŨ VĂN CẢNH